

Bản án số: 78/2022/HS-PT
Ngày 16 tháng 02 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 484/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị Thu T; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Thu T, sinh năm 1971; nơi sinh tại Hà Nội; nơi cư trú: đường Đ, khu phố x, phường G, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: nguyên là kế toán trưởng Trung tâm Y tế thành phố P; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Xuân L (đã chết); Có chồng là Nguyễn Thanh B và có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Luật sư Mai Đức K – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có các bị cáo Nguyễn Duy H, Ngô Giang V, Nguyễn Trung H1, Nguyễn Quang Th, Nguyễn Thị Bích A, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bệnh viện thành phố P là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố P, được thành lập theo Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Ngày 15/5/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 1267/QĐ-UBND hợp nhất Bệnh viện thành phố P và Trung tâm Y tế thành phố P thuộc Ủy ban nhân dân thành phố P thành Trung tâm Y tế thành phố P trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Thuận. Trung tâm Y tế thành phố P (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp y tế công lập, hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 01/01/2010, Nguyễn Duy H được tiếp nhận vào làm việc tại phòng Tài chính - Kế toán của Bệnh viện thành phố P; được bổ nhiệm vào ngạch kế toán viên từ ngày 29/01/2011, sau đó lần lượt được bổ nhiệm các chức vụ Phó phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán. Nhiệm vụ của H được phân công là kế toán thanh toán lương cho cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng ngắn hạn; kế toán thanh toán chế độ ốm đau, thai sản (nguồn bảo hiểm xã hội nhờ thu hộ, chi hộ); quản lý thu các khoản kinh doanh dịch vụ và kiểm soát thu của đơn vị.

Trong thời gian từ tháng 11/2013 đến tháng 6/2018, Nguyễn Duy H đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao và sự buông lỏng quản lý về tài chính của lãnh đạo và kế toán trưởng Bệnh viện thành phố P và Trung tâm Y tế thành phố P (Nguyễn Quang Th là giám đốc Bệnh viện thành phố P và Phó giám đốc Trung tâm Y tế thành phố P từ năm 2013 đến tháng 9/2017, Nguyễn Trung H1 là Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố P, Nguyễn Thị Bích A là phó giám đốc Bệnh viện thành phố P, Ngô Giang V là phó giám đốc Bệnh viện thành phố P và Trung tâm Y tế thành phố P, Trần Thị Thu T là kế toán trưởng) để thực hiện hành vi lập chứng từ nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề; kê khống số lượng người được hưởng chế độ ốm đau, thai sản; nâng khống tiền truy lĩnh lương, thu nhập tăng thêm, tiền làm ngoài giờ để chiếm đoạt tổng số tiền là 6.353.088.215 đồng (số đúng là **6.353.088.258đ**). Cụ thể như sau:

1. Lập chứng từ nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề để chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước:

Từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 3 năm 2018, Nguyễn Duy H lợi dụng việc được phân công làm kế toán thanh toán lương hàng tháng cho cán bộ, nhân viên đã 47 lần nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề để chiếm đoạt tiền của Bệnh viện thành phố P (Trung tâm Y tế thành phố P). Phương thức, thủ đoạn H thực hiện như sau: Sau khi nhân viên phòng Tổ chức-Hành chính nhập số liệu hệ số lương, phụ cấp, ngày công của từng cá nhân trong đơn vị, hình thành bảng tổng hợp lương hàng tháng của cán bộ, nhân viên các phòng, khoa của Trung tâm (do bảng lương sử dụng phần mềm Excel đã có sẵn công thức tính lương, phụ cấp nên khi nhập số liệu của từng cá nhân thì tự động hình thành số tiền

được hưởng của từng cá nhân trong bảng lương) thì chuyển file excel qua phòng Tài chính-Kế toán để H kiểm tra lại và tách tiêu mục theo nghiệp vụ kế toán. H đã nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề tại cột tổng hệ số của một số khoa, phòng, từ đó nâng khống tổng số tiền phụ cấp ưu đãi nghề so với bảng lương thực tế mà cán bộ phòng Tổ chức Hành chính đã lập. Sau đó, Nguyễn Duy H in bảng thanh toán tiền lương thành văn bản giấy, rồi chuyển lại cho các nhân viên phòng Tổ chức-Hành chính ký xác nhận và trình kế toán trưởng, lãnh đạo Trung tâm ký duyệt. Tuy nhiên, những người được phân công lập danh sách, ký duyệt bảng lương tại Trung tâm vì tin tưởng H, đã không kiểm tra kỹ nên không phát hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp nghề và số tiền phụ cấp nghề trong bảng lương. Sau khi các cá nhân có trách nhiệm tại Trung tâm ký duyệt, H lập chứng từ kế toán (bao gồm ủy nhiệm chi hoặc giấy rút dự toán ngân sách) theo số tiền phụ cấp ưu đãi nghề được H nâng khống trình cho lãnh đạo Trung tâm ký và chuyển chứng từ kế toán qua Kho bạc Nhà nước Bình Thuận để duyệt chi, chuyển tiền vào tài khoản trung gian của Trung tâm mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C (Vbank) chi nhánh Bình Thuận và Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sbank) chi nhánh Bình Thuận. Khi ký, các cá nhân là kế toán trưởng, lãnh đạo đơn vị đã không kiểm tra kỹ nên không phát hiện việc nâng khống tại cột tổng hệ số, cột tổng số tiền thanh toán và ký duyệt vào phần cuối cùng của danh sách. Số tiền được nâng khống cộng chung chung vào số tiền lương của H được hưởng qua tài khoản số 711A00385951 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C (Vbank) chi nhánh Bình Thuận và tài khoản số 05004429184 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sbank) chi nhánh Bình Thuận.

Bằng phương thức, thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 3/2018, Nguyễn Duy H đã kê khống trong 47 bộ chứng từ của 48 tháng lương, chiếm đoạt tổng số tiền là **3.931.745.632 đồng**. Cụ thể như sau:

1. Chứng từ số CTG00419 ngày 06/12/2013 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 12 năm 2013: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa ngoại sản 12, phòng khám M 12, khoa xét nghiệm 12, khoa chẩn đoán hình ảnh 12. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 04 khoa, phòng khám là 48; số tiền nâng khống là 55.200.000 đồng. Ngoài ra trong bộ chứng từ này, trong quá trình lập chứng từ thanh toán tiền đóng bảo hiểm xã hội cho cán bộ, nhân viên của Trung tâm, H đã tính sai số tiền 6.000.000 đồng (số đúng phải nộp là 55.714.061 đồng nhưng H tính sai và lập chứng từ chuyển cơ quan bảo hiểm số tiền 49.714.061 đồng). Khi phát hiện, H chuyển 6.000.000 đồng vào tài khoản của H để chiếm đoạt. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng khống và chiếm đoạt tại bộ chứng từ này là 61.200.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Chủ tài khoản tại ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 12 năm 2013 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

2. Chứng từ số RDT00001 ngày 23/01/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 01 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 12, khoa khám cấp cứu 12, khoa nội - nhi - nhiễm 12, phòng khám M 12. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 48; số tiền nâng không là 55.200.000 đồng. Ngoài ra tại bộ chứng từ này, trong quá trình lập bảng kê, bà Phạm Hoàng L1 là cán bộ phòng Tổ chức Hành chính tính nhầm tiền Tết Nguyên đán (lập lại tên bà L1 2 lần) nên dư số tiền 700.000 đồng, tính nhầm lương ông Nguyễn Văn Hải L2 (hợp đồng ngắn hạn) lập lại 2 lần nên dư số tiền là 2.298.360 đồng dẫn đến tổng tiền tăng 2.998.360 đồng. Khi kiểm tra chứng từ, H phát hiện và nói với bà L1 điều chỉnh lại và sẽ chuyển trả số tiền trên cho Kho bạc, nhưng lại chuyển số tiền trên vào tài khoản cá nhân của H để chiếm đoạt. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không và chiếm đoạt tại bộ chứng từ này là 58.198.360 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 01 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

3. Chứng từ số RDT00025 ngày 10/03/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 03 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 14, khoa khám cấp cứu 14, khoa nội - nhi - nhiễm 14, phòng khám M 14. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 56; số tiền nâng không là 64.400.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 03 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

4. Chứng từ số RDT00051 ngày 11/04/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 04 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 14, khoa khám cấp cứu 14, khoa nội - nhi - nhiễm 14, phòng khám M 14, số người thử việc và hợp đồng chờ thi tuyển 1,098. Tổng hệ số phụ cấp nâng không là 57,098; số tiền nâng không là 65.663.045 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 04 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký giấy rút dự toán ngân sách, danh sách thanh toán tiền lương với chức danh Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương gửi ngân hàng với chức danh Kế toán.

5. Chứng từ số RDT00074 ngày 15/05/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 05 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 14, khoa khám cấp cứu 14, khoa nội - nhi - nhiễm 14, phòng khám M 14. Tổng hệ số

phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 56; số tiền nâng không là 64.400.000 đồng. Trong bộ chứng từ này, trong quá trình tính tiền phụ cấp cấp ủy tại đơn vị, số tiền thực tế phải thanh toán cho 09 người là 15.525.000 đồng nhưng khi lập chứng từ chi H tính nhầm là 8.625.000 đồng nên thiếu 6.900.000 đồng. H không lập chứng từ thanh toán bổ sung mà sử dụng tiền nâng không để bù lại số tiền trên. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không và chiếm đoạt tại bộ chứng từ này là 57.500.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 05 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

6. Chứng từ số RDT00088 ngày 05/06/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 06 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 14, khoa khám cấp cứu 14, khoa nội - nhi - nhiễm 14, phòng khám M 14. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 56; số tiền nâng không là 64.400.000 đồng. Trong bộ chứng từ này, H cộng sai cột tổng số tiền trong bảng kê lương; cụ thể: lương ngắn hạn tính đúng là 49.511.400 đồng, lương biên chế tính đúng là 782.154.140 đồng nên tổng tiền phải thanh toán là 831.665.540 đồng nhưng H cộng sai thành 825.856.940 đồng; do đó thanh toán thiếu 5.808.600 đồng. Khi lập bảng danh sách chi trả gửi ngân hàng, H phát hiện ra nên lấy số tiền nâng không bù vào số tiền tính thiếu. Do chỉ tính sai cột tổng (các nội dung chi tiết đều chính xác) nên không xác định được số tiền nâng không được bù tiền cho cá nhân nào. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không và chiếm đoạt tại bộ chứng từ này là 58.591.400 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 06 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký giấy rút dự toán ngân sách, danh sách thanh toán tiền lương với chức danh Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương gửi ngân hàng với chức danh Kế toán.

7. Chứng từ số RDT000116 ngày 10/07/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 07 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 18, khoa khám cấp cứu 18, khoa nội - nhi - nhiễm 18, phòng khám M 18. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 72; số tiền nâng không là 82.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 07 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký giấy rút dự toán ngân sách, danh sách thanh toán tiền lương với chức danh Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương gửi ngân hàng với chức danh Kế toán.

8. Chứng từ số RDT00153 ngày 08/09/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 09 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ

cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa khám cấp cứu 16, khoa nội - nhi - nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng không là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 09 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

9. Chứng từ số RDT00177 ngày 08/10/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 10 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa khám cấp cứu 16, khoa Nội - Nhi - Nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, Phòng khám là 64; số tiền nâng không là 73.600.00 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 10 năm 2014; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

10. Chứng từ số RDT00219 ngày 10/11/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 11 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa khám cấp cứu 16, khoa nội - nhi - nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám là 48; số tiền nâng không là 55.200.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 11 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

11. Chứng từ số CTG00291 ngày 05/12/2014 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 12 năm 2014: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa khám cấp cứu 16, khoa nội - nhi - nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng không là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký mục Thủ trưởng đơn vị bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 12 năm 2014 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

12. Chứng từ số RDT00279 ngày 04/02/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 01 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa khám cấp cứu 16, khoa nội - nhi - nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng không là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 01

năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

13. Chứng từ số RDT00281 ngày 05/02/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 02 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa khám cấp cứu 16, khoa nội - nhi - nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 04 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 02 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

14. Chứng từ số RDT00299 ngày 11/03/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 03 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa nội - nhi - nhiễm 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 02 khoa, phòng khám là 32; số tiền nâng khống là 36.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 03 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

15. Chứng từ số CKKB00813 ngày 16/04/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 04 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 02 khoa, phòng khám là 32; số tiền nâng khống là 36.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Quang Th ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 04 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

16. Chứng từ số RDT00403 ngày 06/07/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 07 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 07 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

17. Chứng từ số RDT00421 ngày 07/08/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 08 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03

khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 08 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

18. Chứng từ số RDT00442 ngày 09/09/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 09/2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32.Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 09 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

19. Chứng từ số RDT00466 ngày 08/10/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 10 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32.Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 10 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

20. Chứng từ số RDT00502 ngày 11/11/2015: Thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 11 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các Khoa, Phòng khám gồm: Khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32.Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 11 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

21. Chứng từ số RDT00531 ngày 14/12/2015 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 12 năm 2015: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32.Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng khống là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 12 năm 2015 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả;Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

22. Chứng từ số RDT 00001, RDT 00002 ngày 03/02/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 01/2016 và tháng 02 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Tháng 01 năm 2016: khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32; tháng 02 năm 2016: khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám trong 02 tháng là 128; số tiền nâng không là 147.200.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 01, tháng 02 năm 2016 và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Nguyễn Duy H ký các chứng từ giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 01, tháng 02 năm 2016 gửi Kho bạc với chức danh Kế toán trưởng; Trần Thị Thu T ký danh sách chi trả lương tháng tháng 01, tháng 02 năm 2016 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán trưởng.

23. Chứng từ số RDT00026 ngày 10/03/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 03 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa dược 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng không là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 03 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

24. Chứng từ số RDT00046 ngày 13/04/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 04 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khoa dược 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 64; số tiền nâng không là 73.600.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 04 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

25. Chứng từ số RDT00062 ngày 11/05/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 05 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 92.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 05 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

26. Chứng từ số RDT00082 ngày 10/06/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 06 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không

hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 92.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 06 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Nguyễn Duy H ký vào các chứng từ giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, danh sách lương tháng 06 năm 2016 gửi Kho bạc với chức danh Kế toán trưởng; Trần Thị Thu T ký danh sách chi trả lương tháng 06 năm 2016 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán trưởng.

27. Chứng từ số RDT00111 ngày 08/07/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 07 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 92.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 07 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

28. Chứng từ số RDT00129 ngày 08/08/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 08 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 92.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 08 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

29. Chứng từ số RDT00165 ngày 13/09/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 09 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 09 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

30. Chứng từ số RDT00188 ngày 13/10/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 10 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của

giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 06 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào các chứng từ giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 10 năm 2016 gửi Kho bạc với chức danh Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 10 năm 2016 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán.

31. Chứng từ số CTG0322 ngày 11/11/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 11 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản đơn vị của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 11 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Nguyễn Duy H ký vào ủy nhiệm chi với chức danh Kế toán trưởng; Trần Thị Thu T ký bảng kê chứng từ thanh toán, danh sách chi trả lương tháng 11 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách gửi ngân hàng với chức danh Kế toán trưởng.

32. Chứng từ số CTG0373 ngày 08/12/2016 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 12 năm 2016: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 12 năm 2016 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký vào tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

33. Chứng từ số CTG0001 ngày 24/01/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 01 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa Nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 01 năm 2017 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

34. Chứng từ số CTG 0009 ngày 27/02/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 02 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản đơn vị của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 02 năm 2017 gửi Kho bạc và danh sách hưởng lương gửi ngân hàng để chi trả; Nguyễn Duy H ký các

chứng từ ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, danh sách lương tháng 02 năm 2017 gửi Kho bạc với chức danh Kế toán trưởng; Trần Thị Thu T ký danh sách chi trả lương tháng 02 năm 2017 gửi ngân hàng chi trả với chức danh Kế toán trưởng.

35. Chứng từ số CTG0025 ngày 10/03/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 03 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Quang Th ký tại mục Chủ tài khoản đơn vị của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 03 năm 2017 gửi Kho bạc; Ngô Giang V ký danh sách chi trả lương tháng 03 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Thủ trưởng đơn vị; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

36. Chứng từ số CTG0056 ngày 07/04/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 04 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. So với số tiền H nâng không, sau khi trừ lương và các khoản phụ cấp được hưởng thì lệch thiếu 87.120 đồng; lý do là H tính sai tiền công đoàn phí (tính đúng là 20.914.000 đồng nhưng H tính sai là 20.832.000 đồng, dẫn đến lệch thiếu 82.000 đồng) và tính sai cột tổng tiền lương thực lĩnh (tính đúng là 1.019.109.017 đồng nhưng H tính sai là 1.019.103.897 nên lệch thiếu 5.120 đồng) dẫn đến tổng số tiền lệch thiếu là 87.120 đồng. Do tính sai cột tổng (các nội dung chi tiết đều chính xác) nên không xác định được số tiền nâng không được bù tiền cho cá nhân nào. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không và chiếm đoạt tại bộ chứng từ này là 96.712.880 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Quang Th ký tại mục Chủ tài khoản đơn vị của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 04 năm 2017 gửi Kho bạc; Ngô Giang V ký danh sách chi trả lương tháng 04 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Thủ trưởng đơn vị; Nguyễn Duy H ký tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

37. Chứng từ số RDT00024 ngày 11/05/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 05/2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16; khoa cấp cứu 16; khoa nội tổng hợp 16; phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền chênh lệch là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 05 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 05 năm 2017 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách hưởng lương gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

38. Chứng từ số RDT00054 ngày 22/06/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 06 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám gồm: Khối văn phòng 16, khoa cấp cứu 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 04 khoa, phòng khám là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 06 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 06 năm 2017 gửi ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

39. Chứng từ số RDT 00024 ngày 31/08/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 07 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. So với số tiền H nâng không, sau khi trừ lương và các khoản phụ cấp được hưởng thì lệch tăng số tiền 279.947 đồng; lý do là trong quá trình tính toán, H cộng sai cột tổng số tiền (tính đúng là 1.626.849.957 đồng nhưng H tính sai là 1.627.130.865 đồng nên lệch tăng 279.947 đồng). Số tiền dư này H chuyển vào tài khoản cá nhân để chiếm đoạt. Như vậy, tổng số tiền H nâng không và chiếm đoạt tại bộ chứng từ này là 97.079.947 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 07 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 07 năm 2017 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 07 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

40. Chứng từ số RDT00030 ngày 01/09/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 08 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng không là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 08 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 08 năm 2017 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 08 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

41. Chứng từ số RDT 00043 ngày 22/09/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 09 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng

chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng khống là 96.800.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 09 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 09 năm 2017 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

42. Chứng từ số RDT00074 ngày 30/10/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 10 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng khống là 104.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Thủ trưởng đơn vị của giấy rút dự toán ngân sách, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 10 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 10 năm 2017 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 10 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

43. Chứng từ số CTG0401 ngày 24/11/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 11 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng khống là 104.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản đơn vị của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 11 năm 2017 gửi Kho bạc; Ngô Giang V ký danh sách chi trả lương tháng 11 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Thủ trưởng đơn vị; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 11 năm 2017 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

44. Chứng từ số CTG0414 ngày 15/12/2017 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 12 năm 2017: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 32, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng khống của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng khống là 104.000.000 đồng. So với số tiền H nâng khống, sau khi trừ lương và các khoản phụ cấp được hưởng thì lệch thiếu 3.939.359 đồng; lý do là trong quá trình tính lương tháng 12 năm 2017, Trung tâm Y tế thành phố P quên tính lương của nhân viên Trịnh Thị Phương T2, do đó H lấy tiền nâng khống chuyển qua thẻ ATM cho T2 trước (3.939.359 đồng). Do chưa thanh toán nên trong chứng từ CTG0009 ngày 26/1/2018 H tiếp tục thanh toán cho bà T2 bằng chứng từ truy lĩnh lương tháng 12 năm 2017 và chuyển số tiền này vào tài khoản của H để bù số tiền nâng khống bị hụt. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng khống và chiếm đoạt là 104.000.000

đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 12 năm 2017 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 12 năm 2017 gửi ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ với chức danh Kế toán trưởng.

45. Chứng từ số CTG0063 ngày 12/02/2018 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 01 năm 2018: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 16, hợp đồng chờ thi tuyển 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng không là 104.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 01 năm 2018 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 01 năm 2018 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 01 năm 2018 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

46. Chứng từ số CTG0066 ngày 12/02/2018 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 02 năm 2018: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 16, hợp đồng chờ thi tuyển 16. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng không là 104.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 02 năm 2018 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 02 năm 2018 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 02 năm 2018 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

47. Chứng từ số CTG0104 ngày 15/03/2018 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 3 năm 2018: Nguyễn Duy H thực hiện việc nâng không hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của các khoa, phòng khám: Khoa dược - trang thiết bị - vật tư y tế 16, khoa nội tổng hợp 16, phòng khám M 16, hợp đồng chờ thi tuyển 32. Tổng hệ số phụ cấp nâng không của 03 khoa, phòng khám và hợp đồng chờ thi tuyển là 80; số tiền nâng không là 104.000.000 đồng. Đối với bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, bảng kê chứng từ thanh toán, bảng lương tháng 03 năm 2018 gửi Kho bạc, danh sách chi trả lương tháng 03 năm 2018 gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi trả lương tháng 03 năm 2018 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán; Trần Thị Thu T ký tất cả các chứng từ còn lại với chức danh Kế toán trưởng.

Tại Kết luận giám định tài chính ngày 14/01/2020 của Giám định viên tài chính của Sở tài chính tỉnh Bình Thuận xác định: *“Tổng thiệt hại tài chính đối với việc thanh toán không tiền phụ cấp ưu đãi nghề (phụ cấp đặc thù) của 47 bộ chứng từ (48 tháng) xảy ra tại Trung tâm Y tế Tp. P trong thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 3/2018 là 3.935.263.045 đồng; nguồn tiền bị thiệt hại: ngân sách Nhà nước”* (Bút lục số 1697 đến 1710).

Toàn bộ số tiền 3.931.745.632 đồng Nguyễn Duy H chiếm đoạt đều được chuyển vào tài khoản của Nguyễn Duy H tại Ngân hàng Vbank chi nhánh tỉnh Bình Thuận (số tài khoản 711A00385951) và Ngân hàng Sbank (số tài khoản 050044291840) chi nhánh tỉnh Bình Thuận.

2. Lập chứng từ kê không số lượng người được hưởng chế độ ốm đau, thai sản để chiếm đoạt tiền từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế thành phố P:

Hàng năm, Bảo hiểm xã hội thành phố P thông qua Bệnh viện thành phố P (sau này là Trung tâm Y tế Tp P) nhờ thu hộ, chi hộ chế độ nghỉ ốm đau, thai sản cho cán bộ, nhân viên trong đơn vị. Khi có cán bộ, nhân viên nghỉ ốm đau, thai sản thì nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính và Công đoàn Trung tâm lập danh sách đề nghị Bảo hiểm xã hội thành phố P thanh toán tiền theo chế độ bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội thành phố P thẩm tra và giải quyết chế độ, đồng thời chuyển tiền cho Trung tâm thông qua tài khoản tiền gửi 3713 của Trung tâm mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh. Sau khi nhận được danh sách các đối tượng được Bảo hiểm xã hội thành phố P chi trả tiền ốm đau, thai sản, nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính chuyển danh sách cho Nguyễn Duy H là Trưởng phòng Tài chính - Kế toán để lập chứng từ thanh toán cho những cá nhân được thụ hưởng.

Từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 6 năm 2018, Nguyễn Duy H đã lợi dụng nhiệm vụ được giao lập không danh sách (kê tăng) 215 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản trong 13 bộ chứng từ thanh toán. Sau đó, Nguyễn Duy H lập ủy nhiệm chi trình lãnh đạo Trung tâm ký duyệt, chuyển sang Kho bạc nhà nước tỉnh để chuyển tiền thanh toán qua Ngân hàng Sbank chi nhánh Bình Thuận (là ngân hàng trung gian làm dịch vụ thanh toán cho Trung tâm). Để chiếm đoạt được số tiền do lập không danh sách hưởng chế độ ốm đau, thai sản, Nguyễn Duy H tiếp tục lập danh sách trình lãnh đạo Trung tâm ký duyệt đề nghị Ngân hàng Sbank chi nhánh Bình Thuận chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của H số 050044291840 mở tại Ngân hàng Sbank chi nhánh Bình Thuận, sau đó H rút tiền sử dụng cá nhân. Các cá nhân có trách nhiệm gồm lãnh đạo Trung tâm, Kế toán trưởng đã không kiểm tra, đối chiếu với số người được hưởng chế độ ốm đau, thai sản thực tế của đơn vị nên đã ký duyệt các chứng từ do Nguyễn Duy H trình ký. Tổng số tiền H đã chiếm đoạt từ việc kê không số lượng người được hưởng chế độ ốm đau, thai sản là 1.501.130.972 đồng. Cụ thể như sau :

1. Bộ chứng từ số CTG0353 ngày 30/11/2016, thanh toán tiền chế độ ốm đau, thai sản đợt 1 tháng 11 năm 2016: Thực tế đơn vị không có trường hợp nào được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng H đã kê không 09 trường hợp, với số tiền kê không là 67.038.927 đồng. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Quang Th ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi, bảng kê danh sách ốm đau, thai sản tại mục Kế toán trưởng; Ngô Giang V ký danh sách gửi ngân hàng với chức danh Thủ trưởng đơn vị; Nguyễn Duy H ký danh sách gửi ngân hàng để chi trả với chức danh Kế toán trưởng.

2. Bộ chứng từ số CTG0072 ngày 09/5/2017 thanh toán tiền chế độ ốm đau, thai sản đợt 1 tháng 3 và tháng 4 năm 2017: Thực tế đơn vị có 04 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng H đã kê không thêm 08 trường hợp nữa để chiếm đoạt số tiền là 70.608.400 đồng. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chuyển ngân hàng chi trả tiền; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi, danh sách bảng kê tổng hợp thanh toán tại mục Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chuyển ngân hàng chi trả tiền với chức danh trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

3. Bộ chứng từ số CTG0125 ngày 06/6/2017 thanh toán tiền chế độ ốm đau, thai sản đợt 1 và 2 tháng 5 năm 2017: Thực tế đơn vị có 11 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng H đã kê không thêm 06 trường hợp để chiếm đoạt số tiền là 50.910.515 đồng. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chuyển ngân hàng chi trả tiền; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi, danh sách bảng kê tổng hợp thanh toán tại mục Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chuyển ngân hàng chi trả tiền với chức danh trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

4. Bộ chứng từ số CTG0163 ngày 16/8/2017 thanh toán tiền chế độ ốm đau, thai sản đợt 1 tháng 6 năm 2017: Thực tế đơn vị có 07 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng H đã kê không thêm 02 trường hợp để chiếm đoạt số tiền là 44.261.800 đồng. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chuyển ngân hàng; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi và danh sách gửi ngân hàng chi trả tiền tại mục Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký bảng kê danh sách tổng hợp nghỉ ốm đau, thai sản với chức danh Kế toán trưởng.

5. Chứng từ CTG0318 ngày 17/11/2017: thanh toán tiền nghỉ chế độ thai sản cho viên chức đợt 2 tháng 10/2017 và đợt 1 tháng 11 năm 2017: Thực tế đơn vị có 08 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H kê không thêm 19 trường hợp với số tiền nâng không là 106.852.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách gửi ngân hàng chi trả tiền; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

6. Chứng từ CTG0365 ngày 29/12/2017 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm thai sản cho viên chức đợt 2 tháng 11 năm 2017 và đợt 1 tháng 12 năm 2017: Thực tế đơn vị có 10 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H nâng không thêm 8 trường hợp với số tiền nâng không là 49.110.700 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản; Ngô Giang V ký danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi tại mục Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng với chức danh trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

7. Chứng từ CTG0027 ngày 31/01/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 01 tháng 12 năm 2017 và đợt 01 tháng 01 năm 2018: Thực tế đơn vị có 05 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H nâng khống thêm 19 trường hợp với số tiền nâng khống là 106.852.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản; Ngô Giang V ký danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

8. Chứng từ CTG 0028 ngày 26/02/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 02 tháng 01 năm 2018 và đợt 03 tháng 01 năm 2018: Thực tế đơn vị không có trường hợp nào được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H kê khống 27 trường hợp với số tiền kê khống là 155.962.700 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

9. Chứng từ CTG 0149 ngày 30/03/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 01 tháng 02 năm 2018 và đợt 01 tháng 03 năm 2018: Thực tế đơn vị có 8 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H nâng khống thêm 27 trường hợp với số tiền nâng khống là 155.962.700 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

10. Chứng từ CTG 0182 ngày 19/04/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 02 tháng 03 năm 2018: Thực tế đơn vị có 06 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H nâng khống thêm 27 trường hợp, với số tiền nâng khống là 155.962.700 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

11. Chứng từ CTG 0210 ngày 03/05/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 01 tháng 04 năm 2018: Thực tế đơn vị có 01 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H nâng khống thêm 32 trường hợp với số tiền nâng khống là 184.644.300 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

12. Chứng từ CTG 0220 ngày 14/05/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 01 tháng 05 năm 2018: Thực tế đơn vị có không có trường hợp nào được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng H đã kê khống 16 trường hợp với số tiền kê khống là 187.105.915 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này,

Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán tại mục Kế toán trưởng.

13. Chứng từ CTG 0223 ngày 01/06/2018 thanh toán tiền chế độ nghỉ ốm đau, thai sản đợt 02 tháng 05 năm 2018: Thực tế đơn vị có 04 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản nhưng Nguyễn Duy H nâng khống thêm 15 trường hợp với số tiền nâng khống là 165.858.315 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê danh sách nghỉ ốm đau, thai sản, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Trần Thị Thu T ký mục Kế toán trưởng của ủy nhiệm chi; Nguyễn Duy H ký các chứng từ kế toán còn lại tại mục Kế toán trưởng.

Tại Kết luận giám định tài chính ngày 03/9/2019 của Giám định viên thuộc Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận đã xác định số tiền 1.501.130.972 đồng bị Nguyễn Duy H nâng khống và chiếm đoạt thuộc nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế thành phố P.

3. Lập chứng từ nâng khống tiền truy lĩnh lương – tiền thu nhập tăng thêm – tiền làm ngoài giờ để chiếm đoạt tiền từ nguồn ngân sách và tiền thu dịch vụ của Trung tâm Y tế:

Cũng bằng các phương thức, thủ đoạn tương tự như nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 01 năm 2018, Nguyễn Duy H đã thực hiện hành vi nâng khống tiền truy lĩnh lương, tiền thu nhập tăng thêm, tiền làm ngoài giờ tại 19 bộ chứng từ, để chiếm đoạt tổng số tiền 920.211.654 đồng. Cụ thể như sau:

1. Tại bộ chứng từ số CTG 00231 ngày 26/11/2013 thanh toán tiền lương tăng thêm quý III năm 2013 (từ nguồn thu nhập tăng thêm năm 2012 và nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm năm 2013, theo tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống tại cột tổng số tiền của khối văn phòng là 3.781.200 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Quang Th ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký quyết định chi lương tăng thêm quý III năm 2013, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý III năm 2013; Nguyễn Thị Bích A ký danh sách chuyển tiền gửi ngân hàng; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi, bảng kê thanh toán tại mục Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chuyển tiền gửi ngân hàng với chức danh Kế toán.

2. Tại bộ chứng từ số CTG0006 + CTG00004/43 ngày 20/1/2014 thanh toán tiền lương tăng thêm quý IV năm 2013 (từ nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm năm 2013, tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), thanh toán tiền làm ngoài giờ đợt 2 năm 2013, chi hỗ trợ Tết Dương lịch năm 2014 (đợt 2) từ quỹ phúc lợi năm 2013, Nguyễn Duy H đã nâng khống tại cột tổng số tiền của khối văn phòng với số tiền nâng khống là 11.454.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Quang Th ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký quyết định chi lương tăng thêm quý IV năm 2013, ký bảng kê chứng từ thanh toán, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý IV năm

2013, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc; Nguyễn Thị Bích A ký danh sách chuyển tiền gửi ngân hàng tại mục Thủ trưởng đơn vị; Trần Thị Thu T ký ủy nhiệm chi, bảng kê thanh toán tại mục Kế toán trưởng; Nguyễn Duy H ký danh sách chuyển tiền gửi ngân hàng với chức danh Kế toán.

3. Tại bộ chứng từ số CTG0020/0044 ngày 27/1/2014 thanh toán tiền lương tăng thêm cả năm 2013 (từ nguồn thu nhập tăng thêm), thanh toán tiền lương tăng thêm cả năm 2013 (từ nguồn dự phòng ổn định năm 2013 và năm 2012), thanh toán tiền hỗ trợ Tết Nguyên đán năm 2013 từ quỹ phúc lợi năm 2013, thanh toán tiền khen thưởng năm 2013 từ quỹ khen thưởng năm 2013 và năm 2012, Nguyễn Duy H đã nâng không cột tổng số tiền của khối văn phòng số tiền 14.490.000 đồng, nâng không cột tổng số tiền của phòng khám M số tiền 12.880.000 đồng. Tổng số tiền H đã nâng không tại bộ chứng từ này là 27.370.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, danh sách chuyển ngân hàng chi trả tiền; Nguyễn Quang Th ký bảng thanh toán tiền lương tăng thêm tại mục Thủ trưởng đơn vị; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

4. Tại bộ chứng từ số CTG0404 +RDT00275 ngày 15/1/2015 thanh toán tiền ngoài giờ đợt 2 năm 2014 (từ tài khoản của đơn vị 3712 thu viện phí để lại theo ủy nhiệm chi CTG0404 số tiền 49.514.700 đồng, từ ngân sách theo tài khoản 8113 theo giấy rút dự toán ngân sách RDT00275 số tiền 45.362.900 đồng), Nguyễn Duy H đã nâng không số tiền của khoa nội – nhi – nhiêm là 4.000.000 đồng, nâng không số tiền của khoa khám cấp cứu là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền nâng không tại hai khoa là 8.000.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký các danh sách làm ngoài giờ, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

5. Tại bộ chứng từ số CTG0414 ngày 10/2/2015 tạm ứng tiền lương tăng thêm năm 2014 (bổ sung) từ tài khoản 3713 tiền gửi khác của đơn vị tại Kho bạc nhà nước, Nguyễn Duy H đã nâng không cột tổng số tiền của phòng khám M số tiền 5.520.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Thị Bích A ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký bảng kê chứng từ thanh toán, ký danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Quang Th ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm năm 2014, ký danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc; Trần Thị Thu T ký mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

6. Tại bộ chứng từ số CTG0520 ngày 24/6/2015 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý II năm 2015 (từ nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm năm 2015 từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H nâng không cột tổng số tiền của phòng khám M là 9.199.999 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý II năm 2015, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

7. Tại bộ chứng từ số CTG0581 ngày 21/8/2015 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý II năm 2015 (từ nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm năm 2015 theo tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước), Nguyễn Duy H nâng khống tại cột tổng số tiền của phòng khám M là 11.040.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý II năm 2015, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

8. Tại bộ chứng từ số CTG 0699 ngày 04/12/2015 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý III năm 2015 (từ nguồn tạm trích lập thu nhập tăng thêm năm 2015 theo tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống cột tổng số tiền của phòng khám M là 27.600.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý III năm 2015, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

9. Tại bộ chứng từ số CTG 0734/0740 + CTG 0732/733 ngày 21/1/2016 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý IV năm 2015 (nguồn năm 2015 từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), thanh toán tiền Tết Dương lịch năm 2016 và Tết Nguyên đán năm 2016 (từ tài khoản 3713 của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống nội dung thanh toán tiền thu nhập tăng thêm của phòng khám M với số tiền là 46.000.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý IV năm 2015; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

10. Tại bộ chứng từ CTG 0736 ngày 29/1/2016 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm bổ sung quý I, II, III, IV năm 2015, hệ số 1.6 (từ nguồn năm 2015: 904.177.078 đồng, nguồn năm 2014: 217.133.139 đồng tại tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống cột tổng số tiền của phòng khám M với số tiền là 68.000.001 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm năm 2015 gửi ngân hàng chi trả; Nguyễn Quang Th ký bảng thanh toán tiền lương tăng thêm năm 2015 gửi Kho bạc; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

11. Tại bộ chứng từ số CTG 0128 ngày 31/5/2016 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý I năm 2016 (nguồn quỹ ổn định thu nhập từ tài khoản 3713 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống cột tổng số tiền của phòng khám M số tiền là 46.000.019 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý I năm 2016 gửi ngân hàng thanh toán; Nguyễn Quang Th ký danh sách chi trả tiền lương tăng thêm quý I năm 2016 gửi Kho bạc; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

12. Tại bộ chứng từ số CTG 0196 ngày 08/8/2016 thanh toán tiền truy lĩnh lương và phụ cấp từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 8 năm 2016 (từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống số tiền của khối văn phòng, khoa cấp cứu, khoa nội tổng hợp, phòng khám M là 19.200.015 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền truy lĩnh lương từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2016, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

13. Tại bộ chứng từ số CTG 0260 ngày 27/9/2016 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý II năm 2016 (nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm quý I và tháng 2 năm 2016, từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống tại cột tổng tiền của phòng khám M số tiền là 40.656.000 đồng, nâng khống tại cột tổng số tiền của khoa nội tổng hợp là 27.104.000 đồng. Tổng số tiền H nâng khống tại bộ chứng từ này là 67.760.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý II/2016 gửi ngân hàng chi trả; Nguyễn Quang Th ký danh sách thanh toán tiền thu nhập tăng thêm gửi Kho bạc; Nguyễn Duy H ký tại mục Kế toán trưởng của danh sách gửi ngân hàng chi trả; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán còn lại.

14. Tại bộ chứng từ số CTG 0381 ngày 16/12/2016 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý III năm 2016 (nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm quý III năm 2016, từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước): Do bảng kê chứng từ bị thất lạc nên không xác định được cụ thể Nguyễn Duy H đã nâng khống số tiền tại khoa, phòng nào; tuy nhiên số tiền H thực nhận theo xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Bình Thuận là 76.021.882 đồng, trong khi số tiền H được nhận theo chế độ chỉ là 1.485.882 đồng. Như vậy, tại bộ chứng từ này Nguyễn Duy H đã nâng khống và chiếm đoạt số tiền 74.536.000 đồng. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý III năm 2016, danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

15. Tại bộ chứng từ số CTG 0476 ngày 17/1/2017 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý IV năm 2016 (nguồn tạm trích thu nhập tăng thêm quý IV năm 2016, từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng khống cột tổng số tiền của phòng khám M là 44.044.000 đồng, nâng khống cột tổng số tiền của khoa nội tổng hợp là 33.880.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng khống tại bộ chứng từ này là 77.923.998 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý IV năm 2016, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

16. Tại bộ chứng từ số CTG 0479 ngày 25/1/2017 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm năm 2016 (từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước). Nguyễn Duy H nâng không tại cột tổng số tiền của phòng khám M là 181.016.003 đồng, nâng không cột tổng số tiền của khoa nội tổng hợp là 98.050.334 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không tại bộ chứng từ này là 279.066.357 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm năm 2016, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi tiền lương tăng thêm năm 2016 gửi ngân hàng với chức danh Kế toán trưởng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán còn lại.

17. Tại bộ chứng từ số CTG 0165 ngày 16/8/2017 chi lương tăng thêm quý I năm 2017 (nguồn quỹ ổn định thu nhập, từ tài khoản 3713 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng không cột tổng số tiền của phòng khám M là 42.350.000 đồng, nâng không cột tổng số tiền của khoa nội tổng hợp là 42.350.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không tại bộ chứng từ này là 84.700.000 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Ngô Giang V ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý I năm 2017, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc, ngân hàng; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán.

18. Tại bộ chứng từ số CTG 0258 + CTG 0254 ngày 02/11/2017 truy lĩnh tiền lương và phụ cấp tháng 7, 8, 9 năm 2017 (cải cách tiền lương, từ tài khoản 3712 của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng không cột tổng số tiền của khoa dược – trang thiết bị - vật tư y tế, khoa nội tổng hợp, phòng khám M và hợp đồng chờ thi tuyển. Tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không để chiếm đoạt là 21.600.046 đồng. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký các danh sách truy lĩnh tiền lương và phụ cấp tháng 7, 8, 9 năm 2017, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc; Ngô Giang V ký danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký danh sách chi tiền lương gửi ngân hàng thanh toán với chức danh trưởng phòng Tài chính – Kế toán; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán còn lại.

19. Tại bộ chứng từ số CTG 0026 ngày 31/1/2018 thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý II năm 2017 (từ nguồn quỹ dự phòng ổn định năm 2015, năm 2016 theo tài khoản 3713 của đơn vị tại Kho bạc nhà nước), Nguyễn Duy H đã nâng không cột tổng số tiền của phòng khám M là 15.729.997 đồng, nâng không cột tổng số tiền của khoa nội tổng hợp là 15.729.999 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Duy H nâng không tại bộ chứng từ này là 31.460.019 đồng để chiếm đoạt. Tại bộ chứng từ này, Nguyễn Trung H1 ký tại mục Chủ tài khoản của ủy nhiệm chi, ký các danh sách thanh toán tiền lương tăng thêm quý II năm 2017, danh sách chi trả tiền gửi Kho bạc; Ngô Giang V ký danh sách chi trả tiền gửi ngân hàng; Nguyễn Duy H ký chứng từ danh sách gửi ngân hàng thanh toán với chức danh trưởng phòng Tài chính – Kế toán; Trần Thị Thu T ký tại mục Kế toán trưởng của các chứng từ kế toán còn lại.

Tổng cộng trong thời gian từ tháng 11/2013 đến 31/1/2018, Nguyễn Duy H đã nâng khống tại 19 bộ chứng từ chi từ nguồn thu nhập tăng thêm, truy lĩnh lương, làm ngoài giờ để chiếm đoạt số tiền là 920.211.654 đồng.

Tại Kết luận giám định của Giám định viên thuộc Sở Tài chính tỉnh Bình Thuận ngày 18/9/2020 xác định: Nguồn tiền thanh toán khống của 19 bộ chứng từ có:

- 14 bộ chứng từ nâng khống chi từ nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (nguồn thu viện phí để lại, tài khoản 3712), với tổng số tiền là 744.531.596 đồng;

- 04 bộ chứng từ nâng khống chi từ nguồn quỹ dự phòng ổn định thu nhập và nguồn thu dịch vụ khác của Trung tâm Y tế thành phố P (tài khoản 3713) với tổng số tiền là 167.680.015 đồng;

- 01 bộ chứng từ nâng khống vừa chi từ nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (nguồn thu viện phí để lại, tài khoản 3712), vừa chi từ ngân sách nguồn dự toán – kinh phí khoán (tài khoản 8113) với số tiền là 8.000.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 6 năm 2018, Nguyễn Duy H đã thực hiện hành vi nâng khống số tiền hưởng phụ cấp ưu đãi trong 47 bộ chứng từ thanh toán 48 tháng lương để chiếm đoạt số tiền là 3.931.745.632 đồng; kê khống 215 trường hợp được hưởng chế độ ốm đau, thai sản trong 13 bộ chứng từ để chiếm đoạt số tiền 1.501.130.972 đồng; nâng khống tiền truy lĩnh lương, tiền làm ngoài giờ, tiền thu nhập tăng thêm tại 19 bộ chứng từ để chiếm đoạt số tiền là 920.211.654 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Duy H đã chiếm đoạt là 6.353.088.258 đồng.

Ngoài hành vi tham ô tài sản của Nguyễn Duy H, quá trình điều tra còn xác định hành vi thiếu trách nhiệm của các cá nhân công tác ở Bệnh viện thành phố P; trong đó có bị cáo Trần Thị Thu T - Kế toán trưởng của Bệnh viện thành phố P (sau là Trung tâm Y tế thành phố P) như sau: Trần Thị Thu T đã không thực hiện đúng nhiệm vụ và trách nhiệm được giao; thiếu kiểm tra, giám sát khi ký duyệt đối với các chứng từ do Nguyễn Duy H lập khống; thiếu theo dõi, đối chiếu với nguồn thu - chi để phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm của H. Do đó dẫn đến trong thời gian dài, Nguyễn Duy H đã lợi dụng nhiệm vụ được giao lập khống 47 bộ chứng từ thanh toán tiền lương, 13 bộ chứng từ chi chế độ ốm đau, thai sản và 19 bộ chứng từ chi truy lĩnh lương - thu nhập tăng thêm - làm ngoài giờ, với tổng số tiền bị nâng khống và chiếm đoạt là 6.353.088.215 đồng. Trong đó, Trần Thị Thu T đã trực tiếp ký duyệt 45 bộ chứng từ thanh toán tiền lương, 06 bộ chứng từ thanh toán chế độ ốm đau, thai sản và 19 bộ chứng từ chi truy lĩnh lương – thu nhập tăng thêm - làm ngoài giờ với tổng số tiền mà H lập khống và chiếm đoạt là 5.106.232.940 đồng.

Trong quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Duy H và gia đình nộp khắc phục số tiền 386.400.000 đồng, Nguyễn Quang Th nộp khắc phục số tiền 900.000.000 đồng, Nguyễn Trung H1 nộp khắc phục số tiền 1.000.000.000 đồng, Ngô Giang V nộp khắc phục số tiền 1.800.000.000 đồng, Trần Thị Thu T nộp khắc phục số

tiền 1.350.000.000 đồng, Nguyễn Thị Bích A nộp khắc phục số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền các bị can đã nộp để khắc phục hậu quả là 5.456.400.000 đồng. Còn lại số tiền 896.688.258 đồng đến nay chưa được khắc phục.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Duy H, Ngô Giang V, Nguyễn Trung H1, Nguyễn Quang Th, Nguyễn Thị Bích A; về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 18/6/2021, bị cáo Trần Thị Thu T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Thu T vẫn giữ nguyên kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Thu T về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yếu tố khách quan trong quá trình quản lý của các cấp lãnh đạo, đã tạo điều kiện cho bị cáo H thực hiện hành vi tham ô tài sản. Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn tinh vi, sửa chữa, nâng khống số liệu, chỉnh sửa một bản trong 03 bộ chứng từ dẫn đến bộ phận kế toán và Ban lãnh đạo đơn vị không thể phát hiện được. Bị cáo T chính là người tố cáo hành vi phạm tội của bị cáo H nên được xem là đã tự thú. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. So sánh vai trò với các bị cáo cùng phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” trong vụ án thì vai trò của bị cáo T có phần hạn chế hơn. Hiện nay bị cáo mới vừa bị tai nạn nên sức khỏe cũng có phần hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 11/2013 đến tháng 6/2018, Nguyễn Duy H (giữ chức vụ Phó phòng, sau đó là Trưởng phòng Tài chính - Kế toán) đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao và sự buông lỏng quản lý về tài chính của lãnh đạo và kế toán trưởng Bệnh viện thành phố P và Trung tâm Y tế thành phố P để thực hiện hành vi lập chứng từ nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề; kê khống số lượng người được hưởng chế độ ốm đau, thai sản; nâng khống tiền truy lĩnh lương, thu nhập tăng thêm, tiền làm ngoài giờ để chiếm đoạt tổng số tiền là 6.353.088.258 đồng.

Bị cáo Trần Thị Thu T là Kế toán trưởng của Trung tâm y tế thành phố P đã thiếu kiểm tra, giám sát, buông lỏng quản lý tạo điều kiện cho Nguyễn Duy H thực hiện hành vi tham ô tài sản. Cụ thể, bị cáo T đã trực tiếp ký duyệt 45 bộ chứng từ thanh toán tiền lương, 06 bộ chứng từ thanh toán chế độ ốm đau, thai sản và 19 bộ chứng từ chi truy lĩnh lương, thu nhập tăng thêm, làm ngoài giờ với tổng số tiền mà bị cáo H đã lập khống và chiếm đoạt là 5.106.232.940 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tạo điều kiện cho bị cáo H thực hiện hành vi tham ô tài sản, gây thất thoát tài sản nhà nước với số tiền lớn. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo bị xét xử theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt từ 07 năm đến 12 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, tích cực khắc phục một phần hậu quả, gia đình có công với cách mạng, là người tố giác hành vi phạm tội và tích cực hỗ trợ cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên

kê (03 năm 06 tháng tù) là có phần nhẹ đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 360; điểm b, s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (2);
- VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận (1);
- Công an tỉnh Bình Thuận (1);
- BCTN (1)
- Lưu VP(3), HS(2).14b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy